

Bản án số: 200/2022/HS-ST
Ngày: 12-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

Ông Đoàn Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2022/TLST-HS ngày 18-8-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-HS ngày 30-8-2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn T, sinh năm 1995 tại: Tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (đã chết) và bà Đoàn Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17-6-2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 23-6-2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Vũ Văn Điệp, anh Hoàng Văn Phong (không triệu tập tới phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 16-6-2022, Tổ công tác Công an phường P, thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa số nhà 15/75 đường T, phường L, thành phố N phát hiện Đỗ Văn T đang điều khiển xe máy không biển kiểm soát một mình có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác đã phát hiện trong tay trái của T có 01 gói nilong màu đen. Tổ công tác đã thu giữ, mời người làm chứng và mở kiểm tra thấy bên trong có gói giấy bạc màu trắng, trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (T khai là Heroine vừa mua về để sử dụng). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, đưa T và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường P lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ của T 01 xe máy không biển kiểm soát đã cũ có số khung 184062, số máy 2681047.

Bản Kết luận giám định số 884/KL-KTHS ngày 21-6-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận vật chứng thu giữ của Đỗ Văn T được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu: 0,122 gam (không phẩy một hai hai gam).

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và khai nhận nguồn gốc số ma túy trên như sau: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 16-6-2022, T điều khiển xe máy không biển kiểm soát từ nhà đến khu vực ngõ 75 đường T, phường L, thành phố N mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Đến nơi, T gặp và mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) đang đứng trong ngõ 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cầm gói ma túy trong tay trái rồi điều khiển xe đi về tìm nơi sử dụng. Khi T đi tới khu vực trước cửa số nhà 15/75 đường T, phường L, thành phố N thì bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên. Đối với xe máy không biển kiểm soát đã cũ có số khung 184062, số máy 2681047, T khai là xe máy của T được mẹ mua cho vào khoảng tháng 6-2022 để T làm phương tiện đi lại, đăng ký xe mang tên Đỗ Văn T, mua xe xong do phải đợi cấp biển kiểm soát nên xe chưa có biển kiểm soát.

Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu thông tin chiếc xe máy có số khung 184062, số máy 2681047 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định, kết quả xác định xe máy mang biển kiểm soát D1-72206, đăng ký xe

mang tên Đỗ Văn T. Ngày 20-6-2022, bà Đoàn Thị Q (mẹ đẻ T) đã đến Công an xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để lấy biên kiểm soát D1-72206 và đăng ký xe của chiếc xe máy trên.

Bản Cáo trạng số 193/CT-VKS-TPND ngày 16-8-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Đỗ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đỗ Văn T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Văn T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng thu giữ của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Văn T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; lời khai của những người làm chứng; bản Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 16-6-2022, tại khu vực trước cửa số nhà 15/75 đường T, phường L, thành phố N, Đỗ Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,122 gam Heroine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét khối lượng ma túy bị cáo Đỗ Văn T tàng trữ không nhiều, bị cáo phạm tội lần đầu và được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy trong phong bì niêm phong số 884/KL-KTHS thu giữ của bị cáo Đỗ Văn T là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy. Chiếc xe máy không biển kiểm soát đã cũ có số khung 184062, số máy

2681047 là tài sản cá nhân của bị cáo Đỗ Văn T, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo chiếc xe máy trên, song tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Đỗ Văn T, do chưa đủ căn cứ kết luận nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 21 (hai một) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2022.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma Ty trong phong bì niêm phong số 884/KL-KTHS. Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T 01 xe máy không biển kiểm soát đã cũ có số khung 184062, số máy 2681047, song tạm giữ để bảo đảm thi hành án (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-8-2022).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đỗ Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

